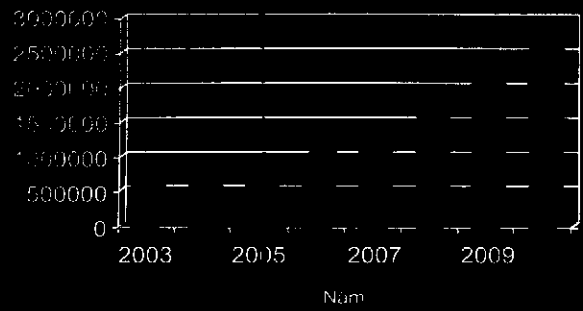




KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Số 05
(2012)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
THAINGUYEN UNIVERSITY OF ECONOMICS AND BUSINESS ADMINISTRATION



Giá trị (đơn vị)

PHÂN TÍCH CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LƯỢNG VỐN VAY CỦA HỘ NÔNG DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

TS. Quách Thị Khánh Ngọc

ThS. Trương Quốc Hào

Trường ĐH Nha Trang

TÓM TẮT: *Nâng cao nhu cầu vay vốn để đáp ứng kịp thời cho các hoạt động sản xuất của hộ nông dân ở khu vực nông thôn là yêu cầu cấp thiết hiện nay. Bài báo này phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng vốn vay của hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Nghiên cứu được xây dựng dựa trên các tài liệu có liên quan và dữ liệu phân tích qua khảo sát thực tế đối với 132 hộ nông dân vay vốn. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng lượng vốn vay phụ thuộc vào 08 nhân tố: số lần vay tiền, mục đích đầu tư, diện tích đất thế chấp, giá trị tài sản, thu nhập trước khi vay, tuổi chủ hộ, trình độ học vấn, công việc hiện tại. Dựa trên kết quả này, nghiên cứu đề xuất rằng, để cải thiện lượng vốn vay của hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang cần có sự chú ý đặc biệt đến số lần vay tiền, mục đích đầu tư, diện tích đất thế chấp, giá trị tài sản, thu nhập trước khi vay, tuổi chủ hộ, trình độ học vấn, công việc hiện tại. Vì vậy, bài viết có đề xuất kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao lượng vốn vay của hộ nông dân trên địa bàn nghiên cứu.*

Từ khóa: *Hộ nông dân, mục đích đầu tư, thu nhập.*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc đẩy mạnh phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và xây dựng đất nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi phải có một lượng vốn đầu tư lớn, nhất là lĩnh vực nông nghiệp nông thôn nơi mà tín dụng được các nhà kinh tế công nhận có vai trò quan trọng.

Kiên Giang là tỉnh có thế mạnh về phát triển nông nghiệp, nông thôn với tỷ trọng nông nghiệp chiếm khoảng 60% trong cơ cấu ngành nghề và khoảng 73,1% dân số sống ở khu vực nông thôn với thu nhập chính là từ nông nghiệp và các ngành nghề phụ trợ, song thực tế thu nhập của hộ nông dân còn thấp rất khó tích lũy để tái đầu tư. Trong khi các nguồn vốn thường khó khăn để được tiếp cận vay vốn, do vậy nhu cầu tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng đóng vai trò quan trọng để phục vụ cho các hoạt động sản xuất và chăn nuôi của các hộ nông dân. Mục tiêu của bài viết là phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng vốn vay của hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Dựa trên các tài liệu có liên quan và dữ liệu phân tích qua khảo sát thực tế đối với 132 hộ nông dân vay vốn. Từ kết quả thực tế này, bài viết có đề xuất kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao lượng vốn vay của hộ nông dân trên địa bàn nghiên cứu.

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Cơ sở lý luận

Nhằm đánh giá tác động đến lượng vốn vay của hộ nông dân một cách khách quan hơn. Với nghiên cứu của Lê Khương Ninh và Phạm Văn Hùng (2011) hay nghiên cứu của Trương Đông Lộc và Trần Bá Duy (2009)... có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến lượng vốn vay, trong đó có các yếu tố thuộc về tổ chức tín dụng và các yếu tố thuộc về nông hộ vay vốn. Chính vì vậy, từ cơ sở lý thuyết và kế thừa của các nhà nghiên cứu cùng với thực tế quan sát hộ nông dân vay vốn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, bài viết đưa ra mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến lượng vốn vay của hộ nông dân như sau:

KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

$$\text{LUONGVONVAY} = \beta_0 + \beta_1 \text{SOLANVAY} + \beta_2 \text{MUCDICHDAUTU} + \beta_3 \text{DIENTICHTHECHAP} + \beta_4 \text{GIATRITAI SAN} + \beta_5 \text{THUNHAPTRUOCKHIVAY} + \beta_6 \text{TUOICHUHO} + \beta_7 \text{TRINHDOHOCVAN} + \beta_8 \text{CONGVIECHIENTAI} + \beta_1$$

LUONGVONVAY là biến phụ thuộc đo lường hộ nông dân vay vốn từ ngân hàng (triệu đồng/năm).

SOLANVAY là biến đánh giá khả năng đến giao dịch của hộ nông dân với các ngân hàng, số lần vay tiền trong năm càng nhiều thì lượng vốn vay của hộ nông dân càng cao, biến này được kỳ vọng là dương.

MUCDICHDAUTU là biến giả, có giá trị là 1 nếu khoản vay phục vụ mục đích là đầu tư vốn lưu động và là 0 nếu khoản vay phục vụ mục đích chính là đầu tư vốn cố định, thực tế mục đích đầu tư được kỳ vọng là đồng biến với lượng vốn vay của hộ nông dân mang dấu dương.

DIENTICHTHECHAP là diện tích canh tác của hộ nông dân (1.000m^2). Những hộ nông dân có đất càng nhiều thì càng dễ dàng vay vốn tại ngân hàng, biến này được kỳ vọng là dương.

GIATRITAI SAN là biến được kỳ vọng sẽ có sự tương quan đồng biến mang dấu dương với lượng vốn vay. Tài sản sẽ được định giá thông qua nhân viên thẩm định giá của ngân hàng.

THUNHAPTRUOCKHIVAY là biến được kỳ vọng là dương, có tương quan thuận với lượng vốn vay. Trong sản xuất nông nghiệp tình trạng không bền vững thường xuyên xảy ra do các yếu tố tự nhiên, khí hậu, thiên tai, giá cả.... điều đó sẽ tác động đến thu nhập của hộ nông dân.

TUOICHUHO là tuổi của hộ nông dân vay vốn, biến tuổi được kỳ vọng có giá trị dương. Tuy nhiên cũng có lập luận rằng cùng với tuổi tác và kinh nghiệm, các hộ gia đình thường tích lũy được nhiều tài sản cũng như vốn nên có thể ít có nhu cầu vay vốn, khi đó biến tuổi sẽ mang giá trị âm. Chính vì vậy, theo các nhà nghiên cứu, ảnh hưởng của tuổi đến lượng vốn vay chỉ có thể kiểm nghiệm bằng nghiên cứu thực tế.

TRINHDOHOCVAN là biến đo lường trình độ của hộ nông dân, biến này được kỳ vọng là dương, bởi hộ nông dân có trình độ học vấn càng cao, thì việc đi vay vốn sẽ dễ dàng và sử dụng vốn càng hiệu quả.

CONGVIECHIENTAI là biến giả, có giá trị là 0 nếu công việc hiện tại là làm thuần nông và là 1 nếu công việc hiện tại là làm thuần nông kết hợp với nghề khác, biến này được kỳ vọng là mang dấu dương.

2. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là hộ nông dân vay vốn tại huyện Hòn Đất và huyện Tân Hiệp, thực tế đây là hai huyện trọng điểm nông nghiệp của tỉnh Kiên Giang.

Sử dụng phương pháp thống kê, thống kê mô tả, so sánh và phân tích... sử dụng phần mềm ứng dụng SPSS 16.0 và Microsoft office excel.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả khảo sát

Bảng 1: Thông tin thuận lợi khi đi vay vốn

THÔNG TIN	SỐ LƯỢNG	PHẦN TRĂM
Phục vụ tận tình	51	38,6
Thủ tục dễ dàng, đơn giản	61	46,2
Ngân hàng nằm ở vị trí tiện lợi	4	3,0
Có người quen tại Ngân hàng	1	0,8

KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đã từng vay vốn tại Ngân hàng	15	11,4
Tổng cộng	132	100,0

Nguồn: số liệu điều tra thực tế 7,8/2011

Trong 132 mẫu khảo sát có 61 hộ trả lời là thủ tục ngân hàng dễ dàng và đơn giản chiếm 46,2%, có 51 hộ trả lời là sự phục vụ tận tình từ phía ngân hàng chiếm 38,6% đây là hai yếu tố quan trọng trong sự thuận lợi của ngân hàng ngày nay khi người dân đến vay vốn. Cũng từ số liệu khảo sát có 15 hộ trả lời đã từng vay vốn tại ngân hàng chiếm 11,4%, có 4 hộ trả lời sự thuận lợi khi vay vốn ở ngân hàng là do có người quen tại ngân hàng chiếm 3%, còn lại có 1 hộ trả lời có sự thuận lợi từ yếu tố khác chiếm 0,8% (*Bảng 1*).

Bảng 2: Thông tin khó khăn khi đi vay vốn

Thông tin	Số hộ	Tỷ lệ (%)
Nhân viên làm khó	10	7,6
Đi lại vay vốn khó khăn	61	46,2
Không đáp ứng nhu cầu vay vốn	4	3,0
Tiện ích sản phẩm yếu kém	6	4,5
Thu phí cao	50	37,9
Khác	1	0,8
Tổng cộng	132	100,0

Nguồn: số liệu điều tra thực tế 7,8/2011

Khảo sát thực tế (*Bảng 2*), trong 132 hộ nông dân vay vốn có 61 hộ trả lời rằng việc đi vay vốn ngân hàng là do việc đi lại khó khăn chiếm 46,2%. Tương tự, có 50 hộ nông dân trả lời rằng thu phí cao là nguyên nhân khó khăn chiếm 37,9% đây cũng là yếu tố làm giảm lượng vốn vay. Qua khảo sát, có 10 hộ nông dân trả lời nguyên nhân khó khăn là do nhân viên làm khó, chiếm 7,6%, số liệu khảo sát có 06 hộ nông dân trả lời nguyên nhân khó khăn trong việc vay vốn là do nguyên nhân tiện ích sản phẩm yếu kém chiếm 4,5%, có 04 hộ nông dân trả lời việc vay vốn khó khăn là do không đáp ứng nhu cầu vay vốn chiếm 3%, còn lại có 01 hộ trả lời việc vay vốn khó khăn do nguyên nhân khác ngoài những nguyên nhân trên chiếm 0,8%.

Bảng 3: Thông tin về lượng vốn vay qua các hình thức

THÔNG TIN	SỐ HỘ	TỶ LỆ (%)
Gia đình/người thân/bạn bè giới thiệu	95	72
Nhân viên Ngân hàng giới thiệu	8	6,1
Chính quyền địa phương	9	6,8
Qua hội thảo sự kiện	1	0,8
Quảng cáo trên ti vi/phát thanh báo chí	17	12,9
Khác	2	1,5
Tổng cộng	132	100,0

Nguồn: số liệu điều tra thực tế 7,8/2011

Qua số liệu (*Bảng 3*) cho ta thấy, người dân ở khu vực nông thôn có lượng vốn vay khi tiếp cận với ngân hàng qua nhiều thông tin rất khác nhau. Khảo sát có 95 hộ dân cho biết họ vay vốn từ người thân, bạn bè và gia đình giới thiệu chiếm 72%. Điều này, cho thấy vai trò quan trọng của người thân, bạn bè

KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

cùng gia đình khi đã vay vốn sẽ góp kêu gọi và giới thiệu cho những người quen thuộc cần vay vốn đến tại nơi đã vay. Kết quả khảo sát có 17 hộ nông dân trả lời biết nguồn thông tin vay vốn từ quảng cáo trên ti vi, phát thanh hay báo chí, chiếm 12,9%. Đây cũng là kênh thông tin quảng bá thương hiệu, hình ảnh của ngân hàng đến với người vay vốn. Trong việc hoạt động quản lý tại địa phương vai trò của chính quyền địa phương là hết sức quan trọng, nhưng qua khảo sát chỉ có 9 hộ trả lời là biết được ngân hàng qua địa phương giới thiệu để vay vốn, chiếm 6,8%. Đây là một hạn chế nhất định về trách nhiệm của chính quyền địa phương nơi luôn đóng vai trò quan trọng để giới thiệu nguồn vốn ưu đãi, hay những chính sách thủ tục vay vốn dễ dàng. Qua khảo sát cũng cho thấy, có 08 hộ trả lời là tiếp cận thông tin vay vốn từ nhân viên ngân hàng giới thiệu, chiếm 6,1% đây là tỷ lệ tương đối thấp. Điều này cho thấy các ngân hàng tại địa bàn nghiên cứu chưa phát huy tốt vai trò tiếp thị, giới thiệu hình ảnh ngân hàng đến người dân vay vốn. Thực tế khảo sát cũng cho thấy, có 02 hộ trả lời biết đến ngân hàng trong trường hợp khác (các đại lý phân bón, công ty) chiếm 1,5% trong tổng số 132 hộ nông dân đi vay, đối với kênh thông tin qua hội thảo và sự kiện có 1 hộ trả lời chiếm 0,8%. Sự kết hợp hài hòa giữa các kênh thông tin để quảng bá hình ảnh ngân hàng là rất cần thiết.

2. Kết quả kiểm định mô hình

Nhìn vào kết quả nghiên cứu (Bảng 4) ta thấy rằng, R^2 hiệu chỉnh (Adjusted R Square) bằng 0,942 điều này có nghĩa là mô hình có mức ý nghĩa 94,2%, mức phù hợp của mô hình là tương đối cao. Tác động vốn vay của hộ nông dân được giải thích bởi các biến độc lập trong mô hình ở mức 94,2% với độ tin cậy là 95%.

Kết quả nghiên cứu, có 08 biến tác động đến lượng vốn vay với mức ý nghĩa 5% như sau:

Bảng 4: Bảng kết quả hồi quy đa biến lượng vốn vay

Model		Standardized Coefficients			
		B	Beta	t	Sig.
1	(Constant)	-1.50796		-1.2262	.000 ^a
	SOLANVAY (β_1)	5.524	.067	2.833	.005 ^a
	MUCDICHDAUTU (β_2)	1.7055	.072	2.844	.005 ^a
	DIENTICHTHECHAP (β_3)	.100	.070	2.989	.003 ^a
	GIATRITAI SAN (β_4)	.169	.214	4.588	.000 ^a
	THUNHAPTRUOCKHIVAY	.704	.257	7.625	.000 ^a
	TUOICHUHO (β_6)	.988	.104	2.902	.004 ^a
	TRINHDOHOCVAN (β_7)	9.8115	.629	10.403	.000 ^a
	CONGVIECHIENTAI (β_8)	-3.8726	-.111	-2.647	.009 ^a
R= 132; Adjusted R Square = 0.942; Sig. = 0.000 ^a					

Nguồn: số liệu điều tra thực tế 7,8/2011

Ghi chú: ^a có ý nghĩa thống kê tương ứng ở mức 5%

SOLANVAY (β_1): kết quả nghiên cứu cho thấy, biến số lần vay tiền trong năm mang dấu (+). Qua phương trình hồi quy khi đánh giá về tác động của số lần vay tiền trong năm tăng 1 lần, thì lượng vốn vay sẽ tăng 5,524 triệu đồng. Nếu số lần vay tiền trong năm càng nhiều thì lượng vốn vay càng cao và dễ dàng.

KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

MUCDICHDAUTU (β_2): giả định biến mục đích đầu tư là biến giả, kết quả nghiên cứu biến mục đích đầu tư mang dấu (+), biến mục đích đầu tư đồng biến với lượng vốn vay. Thực tế, nếu hộ nông dân vay vốn về với mục đích đầu tư là đầu tư vốn cố định ($\beta_2 = 0$) thì lượng vốn vay sẽ không bị tác động. Nhưng ngược lại, nếu mục đích đầu tư là đầu tư vốn lưu động ($\beta_2 = 1$) thì lượng vốn vay sẽ tăng lên 1,7055 triệu đồng.

DIENTICHTHECHAP (β_3): kết quả nghiên cứu biến diện tích đất thế chấp của hộ nông dân mang dấu (+), nếu diện tích đất thế chấp tăng lên 1 (1.000m²) thì lượng vốn vay sẽ tăng 0,1 triệu đồng.

GIATRITAI SAN (β_4): theo kết quả nghiên cứu cho thấy biến giá trị tài sản mang dấu (+), điều này phù hợp với kỳ vọng ban đầu, khi giá trị tài sản tăng 1 triệu đồng thì lượng vốn vay tăng 0,169 triệu đồng.

THUNHAPTRUOCKHIVAY (β_5): kết quả phân tích SPSS cho thấy biến thu nhập trước khi vay mang dấu (+), nếu thu nhập trước khi vay tiền tăng lên 1 triệu đồng thì lượng vốn vay sẽ tăng 0,704 triệu đồng.

TUOICHUHO (β_6): nghiên cứu cho thấy, tuổi chủ hộ mang dấu (+) đúng với kỳ vọng ban đầu của sự đồng biến là tuổi chủ hộ có tác động đến lượng vốn vay. Kết quả phương trình hồi quy cho thấy nếu tuổi của chủ hộ tăng lên 1 tuổi thì lượng vốn vay sẽ tăng 0,988 triệu đồng.

TRINHDOHOCVAN (β_7): biến trình độ học vấn mang dấu (+), đúng như giả thuyết kỳ vọng ban đầu là trình độ học vấn sẽ giúp hộ nông dân dễ dàng vay vốn tại ngân hàng. Từ kết quả phương trình hồi quy khi trình độ học vấn tăng lên 1 cấp thì lượng vốn vay sẽ tăng 9,8115 triệu đồng.

CONGVIECHIEN TAI (β_8): kết quả nghiên cứu cho thấy rằng biến công việc hiện tại mang dấu (-) không đúng với kỳ vọng ban đầu. Từ kết quả phương trình hồi quy, khi công việc làm thuần nông ($\beta_8 = 0$) thì lượng vốn vay sẽ bị tác động ít hơn so với công việc hiện tại là làm thuần nông kết hợp với nghề khác, cụ thể lượng vốn vay sẽ giảm 1,5 triệu đồng. Ngược lại, khi công việc hiện tại là làm thuần nông kết hợp với nghề khác ($\beta_8 = 1$) tức lượng vốn vay sẽ giảm một lượng đáng kể là 5,38 triệu đồng.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Qua kết quả phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng vốn vay của hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng lượng vốn vay phụ thuộc vào 08 nhân tố: số lần vay tiền, mục đích đầu tư, diện tích đất thế chấp, giá trị tài sản, thu nhập trước khi vay, tuổi chủ hộ, trình độ học vấn, công việc hiện tại. Đây là những hạn chế bất cập và là rào cản làm ảnh hưởng đến lượng vốn vay của hộ nông dân.

2. Kiến nghị:

Để góp phần vào phát triển tín dụng nông nghiệp cho hộ nông dân tại địa phương thời gian tới, trong phạm vi nghiên cứu của vấn đề, bài viết có đề xuất kiến nghị các giải pháp vĩ mô cũng như vi mô nhằm nâng cao lượng vốn vay của hộ nông dân trên địa bàn nghiên cứu.

i) Giải pháp cơ chế chính sách từ Quốc hội và Chính phủ

- Quốc hội và Chính phủ cần có những chính sách hỗ trợ trong các khoản vay nông nghiệp nhằm giảm thiểu rủi ro cho hộ nông dân và ngân hàng thương mại, cũng như các chính sách vĩ mô trong nông nghiệp về giá cả nông sản, xuất nhập khẩu nông sản... bên cạnh đó Bộ Tài nguyên và Môi trường cần có sự thay đổi cấp thiết về luật đất đai, nên có chính sách tích tụ ruộng đất từ đó góp phần tập trung sản xuất có hiệu quả, vừa dễ quản lý và tạo điều kiện cho ngân hàng có thể dễ tiếp cận tài trợ vốn trong sản xuất đối với hộ nông dân.

- Ngân hàng Nhà nước cần tái cấu trúc, tăng vốn và năng lực tài chính cho các ngân hàng thương mại cũng như cải tiến phương thức vay vốn ngân hàng theo hướng giảm bớt các thủ tục phiền hà, nhằm tạo

KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

điều kiện thuận lợi cho hộ nông dân vay vốn dễ dàng và nhanh chóng. Ngoài ra, còn tạo điều kiện rút ngắn thời gian, chi phí.

ii) Giải pháp đối với các Cấp chính quyền tỉnh Kiên Giang

Cần xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt chú trọng xây dựng giao thông nông thôn như đường xá, thủy lợi nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nông dân trong sản xuất cũng như đi lại giao dịch với ngân hàng.

iii) Giải pháp liên kết tín dụng nông nghiệp

Cần liên kết tín dụng nông nghiệp, nông thôn qua các hình thức nhóm, tổ, hoặc hội như hội nông dân, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh... thực hiện tốt việc liên kết này, sẽ giúp hộ nông dân cũng như hội viên vay vốn tốt hơn, về phía ngân hàng việc thu hồi vốn nhanh hơn nhờ sự bảo lãnh, đôn đốc thực hiện các hội viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê Khương Ninh (2004), *Tài chính vi mô*, Trường Đại học Cần Thơ.
- [2]. Nguyễn Minh Kiều (2009), *Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- [3]. Shelagh Heffernan (2005), *Modern Banking*, John Wiley & Sons Publication
- [4]. Suiwah Leung (2009), *Banking and Financial Sector reforms in Vietnam*, ASEAN Economic Bulletin Vol. 26, No. 1 (2009), pp. 44–55

ABSTRACT: ANALYZING THE FACTORS AFFECTING ACCESS TO AMOUNT OF CREDIT OF FARMERS IN KIEN GIANG PROVINCE

Improving for credits in rural areas is required today by the production activities of farmers. This article analyzes the factors affecting access to amount of credit of farmers in Kien Giang province. The research is based on relevant documents and data analysis from through field survey for 132 farmers' loan. The results showed that the amount of credit dependent by 08 factors: the number of times borrow money, purposes of investment, area of land mortgage, total value of assets, income before loan, age of household head, level of education, current job. Based on these findings, the researchers recommended that for improving amount of credit of farmers in Kien Giang province, it is worthy to pay a special attention to the number of times borrow money, purposes of investment, area of land mortgage, total value of assets, income before loan, age of household head, level of education, current job. Therefore, the article proposing measures to improving amount of credit of farmers in the reseach area.

Keywords: *Farmers, purposes of investment, income*